TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tư do - Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 31/8/2022
V/v Tranh chấp ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy T

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Viên và bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Q;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1997, HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện Q, thành phố H. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990, HKTT và chỗ ở: thôn N, xã Đ, huyện Q, thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Về phía nguyên đơn*: Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2022, biên bản lời khai, biên bản công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, chị H trình bày: Tôi kết hôn cùng anh L (địa chỉ như trên) vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q ngày 26/5/2015, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 02 vợ chồng ở tại nhà tôi tại: Thôn N, xã Đ (anh L ở rể). Nghề nghiệp: Vợ chồng đều lao động tự do, (tôi mở cửa hàng SPA).

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chỉ được gần 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, tôi thường

xuyên đau ốm và thường xuyên uống thuốc (bệnh dạ dày và thoát vị đĩa đệm) nhưng anh L không quan tâm (từ tình cảm đến kinh tế) vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân chính thức từ đầu năm 2022 cho đến nay, mặc dù ly thân nhưng vì hoàn cảnh gia đình (anh L ở rể) nên vợ chồng vẫn ở chung nhà, ăn uống cùng nhau nhưng không ai nói chuyện gì với ai, thỉnh thoảng có va chạm cãi chửi nhau và xô xát xúc phạm nhau, thời gian gần đây thì không ăn, uống cùng nhau. Đến 20/8/2022, tôi chuyển ra ngoài thuê và mở cửa hàng SPA (ở xã T) làm ăn và sinh sống tại đó cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng hai bên gia đình đều biết và có can thiệp nhưng không có kết quả do tôi không còn tình cảm với anh L. Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết xin được ly hôn.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận không đề nghị tòa giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức L, sinh 24/4/2015 và Nguyễn Thị Khánh A, sinh 13/3/2017 (Hiện đang ở cùng hai vợ chồng). Ly hôn tôi xin nuôi cả 02 con, vấn đề góp phí tổn nuôi con không đặt ra. Trường hợp anh L cũng xin nuôi con tôi đề nghị tòa giao cho mỗi người nuôi 01 con (tôi xin nuôi cháu Khánh A), nếu anh L xin nuôi cả 02 con tôi không nhất trí.

Về thu nhập của tôi hiện tại từ 10 triệu /tháng (Làm Spa).

Về án phí: Tôi nhất trí nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**Bị đơn trình bày:* Tại bản khai ngày 22/3/2022 và qua công khai chứng cứ và hòa giải anh L trình bày: Tôi kết hôn cùng cô H (địa chỉ như trên) vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q ngày 26/5/2015, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, kết hôn không bị ép buộc.

Sau cưới, 02 vợ chồng ở tại nhà vợ (tôi ở rể tại thôn V, xã Đ). Nghề nghiệp: Vợ chồng đều lao động tự do.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2021 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ tôi không chung thủy (có cả gia đình chứng kiến) dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng hai bên gia đình đều biết và có can thiệp nhưng không có kết quả (do cô H không nghe).

Nay, cô H có đơn xin ly hôn, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong Tòa án tác động, hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp cô H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức L, sinh 24/4/2015 và Nguyễn Thị Khánh A, sinh 13/3/2017 (Hiện đang ở cùng hai vợ chồng). Tôi xin đoàn tụ do vậy không có quan điểm. Trường hợp cô H cương quyết xin ly hôn thì tôi xin nuôi cả 02 con, vấn đề góp phí tổn nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận.

Về thu nhập của tôi hiện tại từ 09 triệu/tháng (Làm Công ty). Do tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên tôi tha thiết xin được đoàn tụ. Giải pháp của tôi là tôi sẽ tha thứ hết mọi lỗi lầm của cô H để vợ chồng đoàn tụ và xin có thời gian.

Tại phiên hòa giải lần 1 ngày 23/3/2022, chị H và anh L đều có mặt. Chị H kiên quyết xin ly hôn và mong muốn nuôi cả hai con; anh L xin đoàn tụ và xin Tòa cho vợ chồng 01 tuần để suy nghĩ lại vì nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, trong trường hợp chị H kiên quyết ly hôn, anh mong muốn nuôi cả hai con. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 29/3/2022 (sau 01 tuần), chị H và anh L đều có mặt, anh, chị vẫn giữ nguyên quan điểm: Chị H xin ly hôn anh L; anh L xin đoàn tụ và trong trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Biên bản làm việc ngày 31/3/2022, của bà Lê Thị S (mẹ đẻ chị H) sinh năm 1964, thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng H,L hòa thuận hạnh phúc, vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do chị H không còn tình cảm với chồng nên sinh ra mâu thuẫn. Vợ chồng hiện vẫn ăn ở chung nhà cho đến nay. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng H,L hai bên gia đình đều biết và có can thiệp nhưng chưa có kết quả. Quá trình anh L ở rể tại gia đình, 02 bên gia đình đều quý mến, không có điều tiếng gì và rất yêu thương vợ con. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, xin Tòa cho vợ chồng H,L một thời gian để hai bên gia đình và họ hàng tìm mọi biện pháp hòa giải cho vợ chồng hàn gắn tình cảm để các cháu bớt khổ.

Tại các phiên hòa giải ngày 06/5/2022, ngày 08/7/2022, chị H có mặt và anh L không có mặt (không rõ lý do). Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và xin từ chối hòa giải.

Biên bản xác minh ngày 30/6/2022, tại UBND xã Đ thể hiện: Về kết hôn và đăng ký kết hôn, con chung của chị H, anh L cung cấp là đúng. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị thể hiện: Anh L là người ở Xã T, và do hoàn cảnh nhà chị H có một mẹ, một con nên anh L ở rể cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương do chưa thấy đơn thư hay kiện cáo gì liên quan mà địa phương phải can thiệp. Anh L ở rể là người ngoan, chịu khó. Do vậy, địa phương mong Tòa hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp hai bên không còn tình cảm và không thể đoàn tụ thì mong Tòa xét xử cho vợ chồng anh, chị được ly hôn theo quy định của pháp luật. Về ngày công lao động phổ thông tại địa phương là 250.000đ/ngày/lao động.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh L nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải theo quy định. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:

Về Tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình. Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền, tiến hành cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm sát theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS, xác định tư cách của người tham gia tố tụng đầy đủ theo Điều 68 BLTTDS, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và các tài liệu khác làm căn cứ giải quyết vụ án. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát để nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật TTDS.

Về nội vụ án: Qua lời trình bày và quan điểm của chị H, lời khai anh L cũng như diễn biến nội dung vụ án được công khai, tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức L, sinh 24/4/2015; Nguyễn Thị Khánh A, sinh 13/3/2017. Giao con Nguyễn Đức L cho anh L, giao con Nguyễn Thị Khánh A cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị H, anh L có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Không đặt ra giải quyết,

-Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Về án phí, quyền kháng cáo: Chị H phải chịu án phí theo quy định; anh L, chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố H nên việc chị H có đơn xin ly hôn và đề nghị

Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, có mặt chị H, vắng mặt anh L lần 2 không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q ngày 26/5/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Theo chị H trong quá trình chung sống, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, anh L không quan tâm, không tâm lý (từ tình cảm đến kinh tế, nhất là những lúc chị ốm đau), luôn nghi kỵ và không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ lâu; hai bên gia đình đã can thiệp nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H cho rằng tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị cương quyết xin được ly hôn và xin từ chối hòa giải đoàn tụ. Về phía anh Nguyễn Văn L cũng thừa nhận trước đây vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, khuyết điểm, nguyên nhân chính là do chị H không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía bà Lê Thị S (mẹ đẻ chị H) cũng cho rằng anh L sống tại gia đình ngoan ngoãn và chịu khó làm ăn nhưng nguyên nhân chính do chị H không còn tình cảm với chồng nên sinh ra mâu thuẫn. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, hòa giải anh L và bà S xin có thời gian để anh và gia đình hai bên cũng như họ hàng tìm mọi biện pháp hàn gắn cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả do chị H xét thấy tình cảm không còn (không hợp tác). Tại phiên tòa chị H cũng từ chối hòa giải đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh L là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, không ai nói đến ai mặc dù vợ chồng vẫn ăn, ở chung nhà nhưng đã ly thân không có mối liên hệ gì về tình cảm từ đầu năm 2022, hiện chị H đã thuê nhà ra ngoài ở xã Yên Bình, huyện Xã T (cách nhà khoảng 10 km) để làm ăn từ ngày 20/8/2022 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án và gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh L và chị H không đạt được, cuộc sống chung căng thẳng không thể kéo dài nên áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và cần xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức L, sinh 24/4/2015; Nguyễn Thị Khánh A, sinh 13/3/2017. Ly hôn cả anh L và chị H đều xin được nuôi cả 02 con và các bên đều đưa ra các điều kiện về thu nhập để bảo vệ cho quan điểm được nuôi con và không đề nghị bên kia góp phí tổn nuôi con. Căn cứ vào mức thu

nhập và tình hình thực tế của của các bên, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chung và của vợ, chồng sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giao con Nguyễn Đức L cho anh L, giao con Nguyễn Thị Khánh A cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị H, anh L có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, là phù hợp với pháp luật.

Vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh L, chị H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn L;

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn L**;

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức L, sinh 24/4/2015; Nguyễn Thị Khánh A, sinh 13/3/2017. Giao con Nguyễn Đức L cho anh L, giao con Nguyễn Thị Khánh A cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị H, anh L có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh L, chị H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị tòa giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0000223 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *UBND xã Đ, H Quốc Oai.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy T